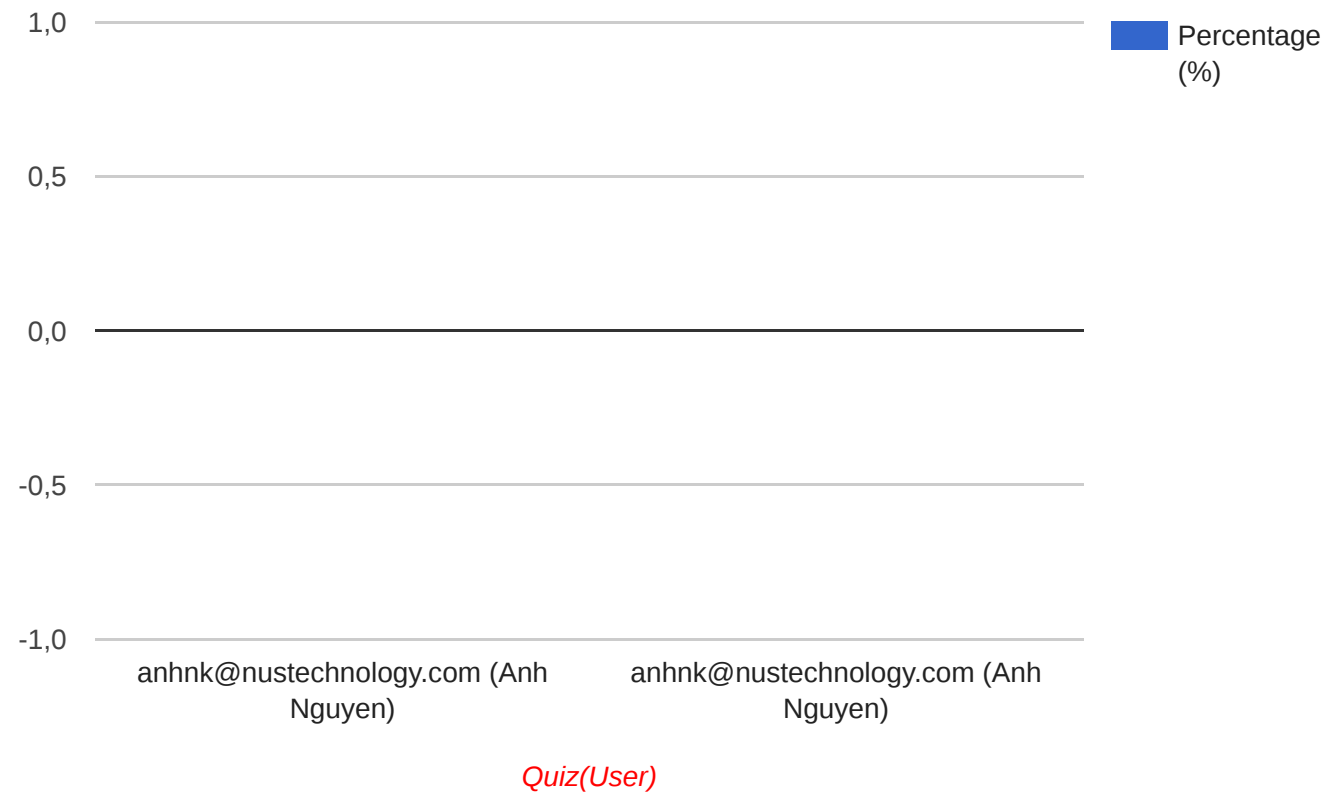


First Name	Anh
Last Name	Nguyen
Email	anhnk@nustechology.com
Quiz Name	[Training Test] Getting Started with Rails
Attempt Time	2018-04-18 21:08:23
Time Spent (Approx.)	10:28
Percentage	0%
Percentile	100%
Score	0
Status	Fail

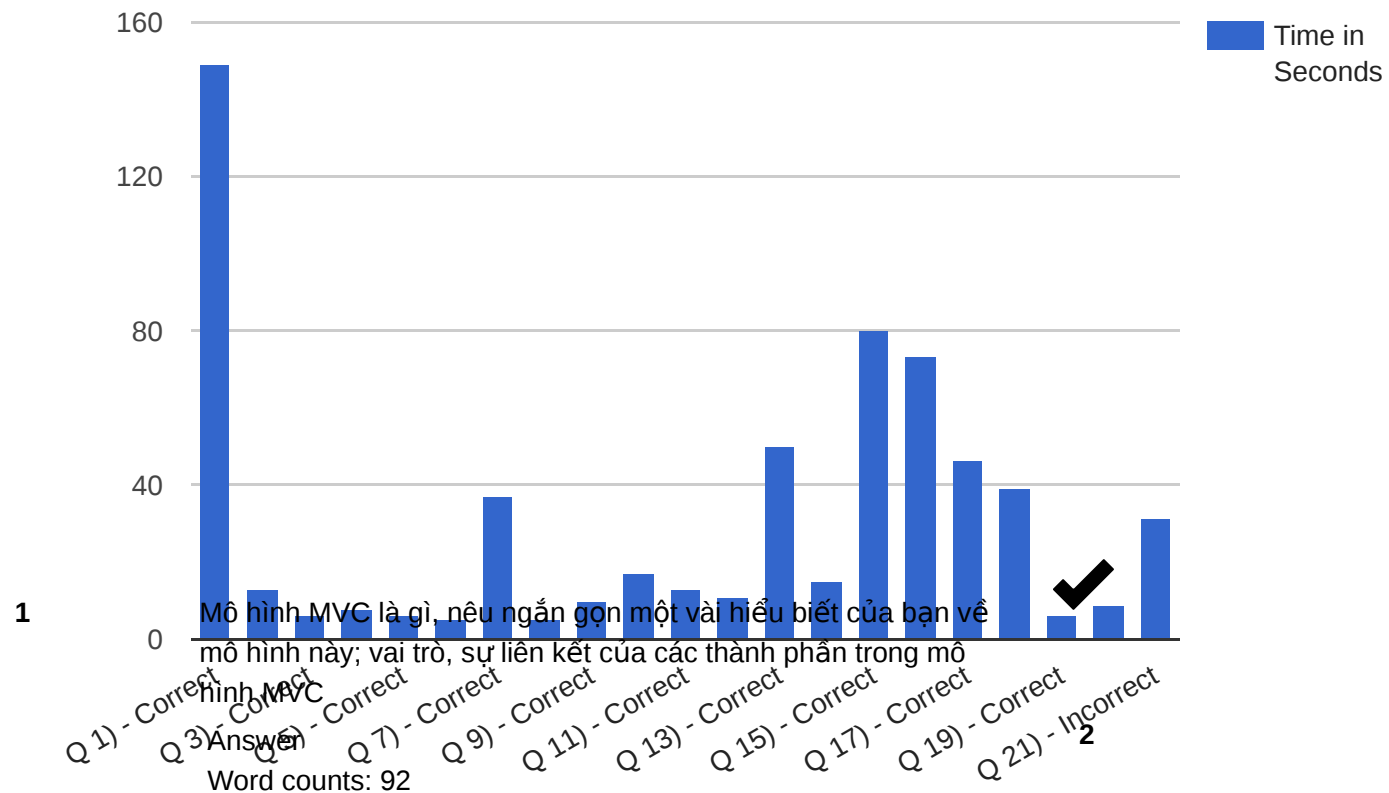
Categorywise Analysis

Category Name	Score	Time Spent (Approx.)	Correct	Incorrect	
[Training Test] Getting Started with Rails	0	10:28 Min.	19	2	0
Total	0	10:28 Min. (Approx.)	19	2	0

Top 10 results for Quiz: [Training Test] Getting Started with Rails



Time spent on individual question (in seconds)



Mô hình MVC viết tắt của Model - View - Controller. Model: Chứa những quy tắc và những phương thức làm việc với dữ liệu. View là những gì hiển thị cho người dùng. Controller điều tiết các request từ View, làm việc với Model để truy xuất, tổ chức dữ liệu sau đó trả về lại View để hiển thị cho người dùng

Nhận định nào sau là đúng và đầy đủ nhất về Rails:

Your Answer: Rails là một rubygem. Ngoài ra, Rails cung cấp cho chúng ta các database adapter để giao tiếp với các hệ



3

quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau (Posgresql, Mysql ..) và 1 local server riêng mà không cần setup thêm 1 service nào (ví dụ: apache)

Correct Options: Rails là một rubygem. Ngoài ra, Rails cung cấp cho chúng ta các database adapter để giao tiếp với các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác nhau (Posgresql, Mysql ..) và 1 local server riêng mà không cần setup thêm 1 service nào (ví dụ: apache)

Làm sao để check rails version

Answer

Word counts: 2

```
rails -v
```



4

Sử dụng rails command, tạo new rails project với name nus_blog

Answer

Word counts: 4

```
rails new nus_blog
```



5

Làm cách nào để start rails server



6

Answer

Word counts: 2

rails server

Cho biết ý nghĩa của các folder và file sau do rails default tạo ra:



7

```
.
├── app
│   ├── assets
│   │   ├── images
│   │   ├── javascripts
│   │   └── stylesheets
│   ├── controllers
│   ├── helpers
│   ├── mailers
│   ├── models
│   └── views
├── config
│   ├── application.rb
│   ├── database.yml
│   ├── environments
│   │   ├── development.rb
│   │   ├── production.rb
│   │   └── test.rb
```

```
| |— initializers
| |— locales
| |— routes.rb
|— db
| |— migrate
| |— schema.rb
| |— seeds.rb
|— Gemfile
|— Gemfile.lock
|— log
|— public
|— README.rdoc
|— test
|— vendor
|— assets
|— javascripts
|— stylesheets
```

Answer

Word counts: 394

- app: Folder chứa phần lớn source code mà ta sẽ viết cho chương trình follow theo mô hình MVC
- assets: Chứa các thành phần hỗ trợ cho View như images chứa hình ảnh, javascript chứa các file javascript, stylesheets chứa các file CSS
- controllers: Gồm các file controller định nghĩa cho chương trình
- helpers: Chứa các phương thức helper
- mailers: Các phương thức cho chức năng email của chương trình
- models: Những file định nghĩa model của từng controllers
- views: Chứa các view, layout hiển thị cho người dùng
- config: Chứa tất cả các file config của ứng dụng như kết nối database...
- + application.rb : Chứa những config chính cho chương trình như timezone, language,...
- + database.yml: Các config database cho các môi trường khác nhau như development, production, test...
- + routes.rb: Tất cả các đường dẫn trong ứng dụng được định nghĩa ở đây
- + locales: Chứa các file language
- + initializers: Chứa các file cần thiết khi khởi tạo Rails
- db: Chứa lược đồ CSDL và các phiên bản migration
- + schema.rb: Lược đồ CSDL
- + migrate: Các phiên bản migrate
- + seeds: Các dữ liệu khi khởi tạo ứng dụng
- Gemfile & Gemfile.lock: File cho phép quản lý, thêm bớt các Gem trong ứng dụng Rails
- log: Chứa các file log
- public: Chứa những file thông dụng cho một ứng dụng web. Những file HTML templates cho các lỗi HTTP như 404, 422 và 500. favicon và robots.txt
- README: Bản tóm tắt hướng dẫn sử dụng cho ứng dụng.
- test: Những file test cho ứng dụng

Command nào được dùng để start rails console?



8

Answer

Word counts: 2

rails console

Log file nằm ở đâu trong Rails app



9

Your Answer:log

Correct Options: log

Ta nên để thư viện bootstrap ở đâu trong Rails app



10

Answer

Word counts: 1

vendor

Ta nên để các chỉnh sửa javascript, stylesheet của mình ở đâu trong Rails app



11

Answer

Word counts: 1

assests

File 404.html nằm ở đâu



12

Answer

Word counts: 2

public folder

Khi rails s thì môi trường mặc định nào được sử dụng



13

Answer

Word counts: 2

local server

development

Trong thư mục app (Rails 4, có thể kể cho Rails 5) có những folder nào do rails mặc định tạo ra



14

Answer

Word counts: 6

assets/controllers/helpers/mailers/models/views

Các môi trường (environments) mặc định của Rails là gì?



15

Answer

Word counts: 3

development/test/production

Có thể tạo ra thêm các môi trường mới không?



16

Answer

Word counts: 1

Có

Làm sao start được rails app ở môi trường production?



17

Answer

Word counts: 4

rails s -e production

File nào chứa thông tin giúp database adapter của rails biết kết nối vào đâu



18

Answer

Word counts: 3

config/database.yml

MVC ứng với những layer nào trong Rails?



19

Answer

Word counts: 5

models - views - controllers

Layer nào sau đây làm công việc handle data và (thường) có các class tương ứng với các table trong database?



20

Your Answer: Model

Correct Options: Model

Câu nào sau đây đúng khi nói về Rails model?



21

Your Answer: Việc lấy data từ database được thực hiện bởi model,

Correct Options: Việc lấy data từ database được thực hiện bởi model

Câu nào sau đây SAI khi nói về Rails controller?



Your Answer:

Correct Options: Controller có nhiệm vụ ghi data xuống database